

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: ~~577~~2026/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày ~~04~~ tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt hiện hành;


Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 447/2021/QĐ-HĐQT ngày 13/04/2021 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn và mua sắm thường xuyên của Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 2).

Điều 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Khối, Chi nhánh, Trung tâm, Văn phòng, Ban chức năng của Tập đoàn Bảo Việt, các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP, PC&QLRR.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thừa Nhật



QUY CHẾ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Ban hành kèm theo Quyết định số ~~577~~ 2026/QĐ-HĐQT
ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1 Quy chế này quy định về việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu đầu tư, xây lắp, mua sắm hàng hóa, dịch vụ mà dự toán có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (đối với mua sắm làm hình thành tài sản mà không phải dự án đầu tư có giá trị dự toán từ 30 triệu đồng trở lên).

1.2 Đơn vị mua sắm tùy thuộc tình hình thực tế của các gói thầu đầu tư, xây lắp, mua sắm hàng hóa, dịch vụ có thể trình Cấp có thẩm quyền lựa chọn việc áp dụng Luật đấu thầu để thực hiện lựa chọn nhà thầu.

1.3 Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với Tập đoàn Bảo Việt, các Đơn vị phụ thuộc Tập đoàn Bảo Việt và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Mục đích và nguyên tắc lựa chọn nhà thầu

1. Nâng cao hiệu quả trong việc lựa chọn nhà thầu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, kinh doanh.

2. Đảm bảo hoạt động lựa chọn nhà thầu công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

3. Phân định rõ trách nhiệm của từng Đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc lựa chọn nhà thầu và thống nhất quy trình, trình tự, thủ tục và các biểu mẫu liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu tại Tập đoàn Bảo Việt.

4. Nhà thầu chỉ được chào thầu bằng Đồng Việt Nam đối với đấu thầu trong nước. Đối với đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định về đồng tiền dự thầu nhưng không quá ba loại tiền tệ, trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về Đồng Việt Nam; đối với một hạng mục công việc cụ thể chỉ được chào thầu bằng một loại tiền.

Ngôn ngữ trong đấu thầu là tiếng Việt đối với đấu thầu trong nước; là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.

5. Trường hợp một hạng mục mua sắm có thể áp dụng hơn một hình thức lựa chọn nhà thầu: Đơn vị mua sắm quyết định lựa chọn hình thức lựa chọn nhà thầu phù hợp, đảm bảo các nguyên tắc nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

Trong Quy chế này, những từ ngữ và ký hiệu viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tập đoàn Bảo Việt* (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài

chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

2. *Luật Đấu thầu* là Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. *Đơn vị phụ thuộc* là đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy của Tập đoàn Bảo Việt.

4. *Kế hoạch đầu tư, mua sắm* là tổng thể những chủ trương, chính sách, mục tiêu, kế hoạch triển khai và kinh phí dự kiến cho việc đầu tư, xây lắp, mua sắm các hạng mục hàng hóa, dịch vụ.

5. *Cấp có thẩm quyền* là cấp được quyền quyết định đầu tư, xây lắp, mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn. Cấp có thẩm quyền theo Quy chế này bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc/quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, người được Tổng Giám đốc/ quyền Tổng Giám đốc giao, phân cấp/ủy quyền.

6. *Tổ giúp việc Chủ đầu tư* là nhóm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được Chủ đầu tư cử tham gia thực hiện các công việc giúp việc cho Chủ đầu tư.

7. *Tổ chuyên gia* gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được Chủ đầu tư thành lập để thực hiện một hoặc các công việc: lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu. Tập đoàn Bảo Việt có thể thuê Đơn vị tư vấn đấu thầu thành lập Tổ chuyên gia.

8. *Tổ thẩm định* gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được Chủ đầu tư thành lập để kiểm tra, xem xét sự phù hợp với quy định của pháp luật và của Tập đoàn Bảo Việt đối với một hoặc các nội dung: kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu để Chủ đầu tư làm cơ sở xem xét quyết định, phê duyệt. Tập đoàn Bảo Việt có thể thuê Đơn vị tư vấn đấu thầu để thực hiện các chức năng, công việc của Tổ thẩm định.

9. *Đơn vị mua sắm* là Tập đoàn Bảo Việt hoặc các Khối, Chi nhánh, Trung tâm, Văn phòng, Ban chức năng trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt có nhu cầu đầu tư, xây lắp, mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ quản lý, kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của Đơn vị mình. Ngoài ra Tập đoàn có thể thực hiện lựa chọn nhà thầu theo ủy quyền của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ, Công ty liên kết, Cổ đông lớn của Tập đoàn Bảo Việt theo các mục đích cụ thể do Chủ đầu tư phê duyệt.

10. *Chủ đầu tư* là Tập đoàn Bảo Việt.

11. *Đấu thầu* là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

12. *Đấu thầu quốc tế* là hoạt động đấu thầu mà nhà thầu trong nước, nước ngoài được tham dự thầu.

13. *Đấu thầu trong nước* là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu trong nước được tham dự thầu.

14. *Nhà thầu phụ* là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp, tư vấn, phi tư vấn, dịch vụ liên quan của gói thầu cung cấp hàng

hóa, công việc thuộc gói thầu hỗn hợp.

15. *Dự toán* là dự kiến nguồn kinh phí dành cho một dự án đầu tư, xây lắp, một hạng mục mua sắm hàng hóa, dịch vụ cụ thể.

16. *Gói thầu* là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (đối với mua sắm làm hình thành tài sản mà không phải dự án đầu tư có giá trị dự toán từ 30 triệu đồng trở lên), gói thầu có thể gồm những nội dung đầu tư, xây lắp, mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng đầu tư, xây lắp, mua sắm một lần, khối lượng đầu tư, xây lắp, mua sắm cho một thời kỳ.

Đối với các Dự toán có giá trị dưới 50 triệu đồng thực hiện theo các quy định hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt.

Các gói thầu quy định tại khoản 17, 18, 19 dưới đây sau đây gọi tắt là gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

17. *Gói thầu dịch vụ tư vấn* bao gồm: tư vấn đấu thầu (tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất..); tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư (tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật, lập thiết kế chi tiết và dự toán...), tư vấn quản lý dự án; tư vấn tài chính, tư vấn luật, tư vấn thuế, kiểm toán, định giá, thẩm định giá, đào tạo; xây dựng khung năng lực, bản đồ học tập; tư vấn về thủ tục đất đai, tư vấn gia hạn các thủ tục, giấy phép có thời hạn hoặc cấp mới; lập báo cáo khảo sát thị trường; tư vấn bất động sản; các dịch vụ tư vấn liên quan đến công tác bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị, tài sản nội thất văn phòng, nhà cửa, công trình, trụ sở, văn phòng của Tập đoàn mà không hình thành hoặc làm tăng giá trị tài sản cố định; các dịch vụ tư vấn liên quan đến công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng tài sản nội thất văn phòng nhà cửa, công trình, trụ sở, văn phòng làm việc và văn phòng đi thuê và các dịch vụ tư vấn khác.

18. *Gói thầu dịch vụ phi tư vấn* bao gồm: thuê các dịch vụ nghiệm thu chạy thử, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị, tài sản nội thất văn phòng, nhà cửa, công trình, trụ sở, văn phòng của Tập đoàn mà không hình thành hoặc làm tăng giá trị tài sản cố định; các dịch vụ liên quan đến công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng tài sản nội thất văn phòng, nhà cửa, công trình, trụ sở, văn phòng làm việc, văn phòng đi thuê; dịch vụ đo đạc khảo sát, thí nghiệm lắp đặt không thuộc dự án đầu tư phát triển; dịch vụ thuê đất, nhà, công trình, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà trạm, ô tô phục vụ công tác; dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ quản lý tòa nhà, an ninh bảo vệ, vệ sinh, vệ sinh công nghiệp; dịch vụ xử lý chất thải; dịch vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định; dịch vụ tổ chức đào tạo, tập huấn, tổ chức hội nghị, hội thảo; các dịch vụ phi tư vấn thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các các dịch vụ sau: các dịch vụ không thuộc quy định tại mục 17, dịch vụ thuê phát triển phần mềm, phân tích nghiệp vụ, dịch vụ kiểm thử phần mềm, dịch vụ bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ liên quan đến công tác vận hành hệ thống, vận hành ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ thuê tài nguyên/ hạ tầng công nghệ thông tin (thuê cloud, đường truyền, thuê vị trí lắp đặt thiết bị, thuê máy chủ...), dịch vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ.... và các dịch vụ phi tư vấn khác;

19. *Gói thầu mua sắm hàng hóa* là các gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc một trong

các trường hợp sau đây:

a) Mua sắm tài sản trang thiết bị, phương tiện vận chuyển (ô tô hoặc các phương tiện vận chuyển khác), vật tư, công cụ, dụng cụ làm việc để trang bị cho văn phòng, cán bộ, nhân viên của Tập đoàn và các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn;

b) Mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy;

c) May sắm đồng phục, trang bị lao động cho người lao động;

d) Mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin gồm: bản quyền phần mềm, máy móc, thiết bị, phụ kiện, phần mềm và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin khác để phục vụ hoạt động quản lý, kinh doanh thường xuyên, bao gồm cả lắp đặt, cài đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chạy thử, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật (nếu có);

e) Sản phẩm in, tài liệu, biểu mẫu, ấn phẩm, ấn chỉ, tem, văn hóa phẩm, sách, tài liệu, phim ảnh và các sản phẩm, dịch vụ khác để tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, quảng cáo sản phẩm, dịch vụ nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và phát triển thương hiệu của Tập đoàn;

g) Bản quyền sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ (nếu có);

h) Mua sắm, thay thế trang thiết bị, tài sản nội thất văn phòng, công trình, trụ sở, văn phòng làm việc, văn phòng đi thuê của Tập đoàn;

i) Các loại tài sản, hàng hóa khác.

20. *Gói thầu xây lắp*: là gói thầu bao gồm các công việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị kèm xây lắp (nếu có) và các công việc liên quan nhằm tạo lập tài sản cố định mới hoặc cải tạo, mở rộng tài sản cố định hiện có của Tập đoàn Bảo Việt.

21. *Gói thầu quy mô nhỏ* là gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị đến 05 tỷ đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu xây lắp có giá trị đến 15 tỷ đồng.

22. *Gói thầu quy mô lớn* là gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị trên 05 tỷ đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu xây lắp có giá trị trên 15 tỷ đồng.

23. *Giá gói thầu* là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu/văn bản phê duyệt gói thầu.

24. *Giá dự thầu* là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, báo giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, văn bản yêu cầu cung cấp báo giá.

25. *Giá đề nghị trúng thầu* là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

26. *Giá trúng thầu* là giá được ghi trong quyết định/văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Cấp có thẩm quyền.

27. *Giá hợp đồng* là giá trị ghi trong văn bản hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu làm căn cứ để tạm ứng, thanh toán, thanh lý và quyết toán hợp đồng.

28. *Hồ sơ mời thầu* (viết tắt là "HSMT") là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh bao gồm các yêu cầu cho một

gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để Chủ đầu tư tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.

29. *Hồ sơ yêu cầu* (viết tắt là “*HSYC*”) là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, bao gồm các yêu cầu cho một gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để Chủ đầu tư tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.

30. *Yêu cầu báo giá* là tài liệu Tập đoàn sử dụng để yêu cầu các đơn vị cung cấp thực hiện báo giá và để Đơn vị mua sắm/Tổ giúp việc Chủ đầu tư có căn cứ lập dự toán và/hoặc để đánh giá các báo giá (đối với hình thức lấy báo giá cạnh tranh).

31. *Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* (viết tắt là “*HSDT*”, “*HSĐX*”) là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho Chủ đầu tư theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

32. *Báo giá* là toàn bộ tài liệu do nhà cung cấp lập và nộp cho Chủ đầu tư theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá.

33. *Danh sách ngắn* là Danh sách các nhà thầu quan tâm được Chủ đầu tư phê duyệt để mời tham gia đấu thầu.

34. *Hợp đồng* là văn bản thỏa thuận giữa Tập đoàn với nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu hoặc giữa nhà thầu được lựa chọn với các tổ chức (được hiểu là các tổ chức ủy quyền cho Tập đoàn thực hiện lựa chọn nhà thầu theo Khoản 9 Điều này);

35. *Kiến nghị* là việc nhà thầu tham dự thầu đề nghị xem xét lại kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

36. *Thời điểm đóng thầu* là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

37. *Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là số ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

38. *Thời hạn có hiệu lực của báo giá* là số ngày được quy định trong Yêu cầu báo giá.

39. *Ngày*: Nguyên tắc tính ngày theo Quy chế này được thống nhất dưới 10 ngày sử dụng ngày làm việc (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, không bao gồm ngày lễ theo quy định của Chính Phủ); từ 10 ngày trở lên là ngày thực tế (bao gồm Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định của Chính Phủ).

Các định nghĩa tại Điều 3 sử dụng đúng nội dung định nghĩa và thống nhất trong toàn bộ Quy chế này. Các từ ngữ khác sử dụng trong Quy chế này mà chưa được định nghĩa sẽ được hiểu và vận dụng phù hợp với các định nghĩa đã được sử dụng tại Điều lệ, Quy chế Quản lý Tài chính, Quy chế đầu tư và quản lý tài sản công nghệ thông tin của Tập đoàn Bảo Việt và các quy định khác có liên quan của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định của Luật xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Nhà thầu là tổ chức có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

b) Hạch toán tài chính độc lập;

c) Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (đối với gói thầu theo hình

thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế) trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Có cam kết bằng văn bản của nhà thầu về việc không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

Đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu trực tiếp, trong trường hợp nhà thầu không cung cấp được các cam kết nêu trên thì việc cam kết được thể hiện trong hợp đồng giữa nhà thầu và Chủ đầu tư.

đ, Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định Điều 6 của Luật đấu thầu;

e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự các gói thầu của Tập đoàn và không bị cấm tham dự thầu trên mạng đấu thầu quốc gia;

f) Có tên trong Danh sách ngắn do Chủ đầu tư phê duyệt (trong trường hợp Tập đoàn lựa chọn Danh sách ngắn);

g) Đối với đấu thầu quốc tế, nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Có cam kết bằng văn bản của nhà thầu về việc không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

Đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu trực tiếp, trong trường hợp nhà thầu không cung cấp được các cam kết nêu trên thì việc cam kết được thể hiện trong hợp đồng giữa nhà thầu và Chủ đầu tư.

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, đ, e và f khoản 1 Điều này.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; có cam kết bằng văn bản của nhà thầu về việc không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định pháp luật (đối với các lĩnh vực có yêu cầu);

c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật (nếu có).

d) Có cam kết bằng văn bản của nhà thầu về việc không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

Đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu trực tiếp, trong trường hợp nhà thầu không cung cấp được các cam kết nêu trên thì việc cam kết được thể hiện trong hợp đồng giữa

nhà thầu và Chủ đầu tư.

e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự các gói thầu của Tập đoàn và không bị cấm tham dự thầu trên mạng đấu thầu quốc gia.

4. Nhà thầu có tư cách hợp lệ được tham gia dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Điều 5. Thông tin về đấu thầu

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày được Chủ đầu tư phê duyệt, Đơn vị mua sắm có trách nhiệm gửi thông tin cho bộ phận quản trị website (thuộc Văn phòng) đăng tải công khai các thông tin đấu thầu trên trang thông tin của Tập đoàn Bảo Việt tại website: (www.baoviet.com.vn) (ngoại trừ việc đăng tải Quy chế lựa chọn nhà thầu như điểm a dưới đây thuộc trách nhiệm của Văn phòng) và bộ phận quản trị website có nghĩa vụ đăng tải các thông tin trong vòng 24h kể từ ngày Đơn vị mua sắm gửi thông tin để đăng tải, cụ thể như sau:

- a) Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt;
- b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh;
- c) Danh sách ngắn (trong trường hợp Tập đoàn lựa chọn Danh sách ngắn);
- d) Thông báo mời thầu;
- e) Hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có);
- đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh;
- f) Thông báo hủy, gia hạn, điều chỉnh, đính chính các thông tin đã đăng tải;
- g) Thông tin Danh sách các nhà thầu bị cấm dự thầu và các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khác, nhà thầu không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu, Nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu theo quyết định của Tập đoàn.

Điều 6. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của gói thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà thầu khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Chủ đầu tư phê duyệt;
- b) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được Chủ đầu tư phê duyệt;
- c) Thông báo mời thầu, danh sách ngắn (trong trường hợp Tập đoàn lựa chọn danh sách ngắn) đã được đăng tải theo quy định của Điều 5 Quy chế này;
- d) Bảo đảm các điều kiện thi công, lắp đặt theo tiến độ thực hiện gói thầu (nếu có).

Điều 7. Bảo đảm dự thầu

1. Bảo đảm dự thầu áp dụng trong các trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản được quy định tại HSMT hoặc nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam trước thời điểm đóng thầu.

2. Giá trị bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu theo một mức xác

định từ 1% đến 3% giá gói thầu căn cứ quy mô và tính chất của từng gói thầu. Đối với gói thầu quy mô nhỏ, giá trị bảo đảm dự thầu được quy định tối đa đến 1,5% giá gói thầu.

3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 ngày.

4. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, Tổ giúp việc Chủ đầu tư phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại; Tổ giúp việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày Tổ giúp việc Chủ đầu tư nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Tổ giúp việc Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng không quá 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi Hợp đồng có hiệu lực.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả/không được giải tỏa trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

b) Nhà thầu vi phạm các quy định tại Quy chế này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến phải hủy thầu;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 25 Quy chế này;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Tổ giúp việc Chủ đầu tư hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng của Tổ giúp việc Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 8. Chi phí trong đấu thầu

1. Chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, tham dự thầu và giải quyết kiến nghị (nếu có) thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được bán hoặc phát miễn phí cho nhà thầu. Trường hợp bán thì mức giá bán một bộ hồ sơ (bao gồm thuế) đối với đấu thầu trong

nước tối đa là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đối với hồ sơ mời thầu và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với hồ sơ yêu cầu. Đối với đấu thầu quốc tế, mức giá bán theo thông lệ đấu thầu quốc tế.

3. Các chi phí khác phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 9. Hủy thầu và Xử lý tình huống trong đấu thầu

1. Hủy thầu:

Chủ đầu tư có thể xem xét quyết định hủy thầu trên cơ sở đề xuất của Tổ chuyên gia trong các trường hợp sau:

a) Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá.

b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư, mua sắm trong quyết định đầu tư/văn bản phê duyệt mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá.

c) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định tại Quy chế này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.

đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Luật Đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Xử lý tình huống trong đấu thầu:

Chủ đầu tư quyết định xử lý tình huống chưa được quy định cụ thể rõ ràng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá và các nội dung khác trong hoạt động đấu thầu trên cơ sở đề xuất của Tổ chuyên gia bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình;

b) Căn cứ vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá; hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá; kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng đã ký kết với nhà thầu được lựa chọn; tình hình thực tế triển khai thực hiện gói thầu;

Việc xử lý tình huống trong đấu thầu theo các quy định của Luật Đấu thầu.

CHƯƠNG II.

PHƯƠNG THỨC, HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Mục 1. Lựa chọn nhà thầu trực tiếp

Điều 10. Ký hợp đồng trực tiếp

1. Ký hợp đồng trực tiếp là hình thức Chủ đầu tư chỉ định trực tiếp một hoặc một số nhà thầu đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu của gói thầu để đàm phán và ký kết Hợp đồng trên cơ sở đề xuất của Đơn vị mua sắm. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm đánh giá từng trường hợp cụ thể để đề xuất Chủ đầu tư phê duyệt áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp để lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp và điều kiện áp dụng hình thức Ký hợp đồng trực tiếp:

a) Các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn đặc thù trong trường hợp không thể quy các giá

trị liên quan đến thương hiệu, năng lực, kinh nghiệm, trình độ, lợi thế của nhà thầu về cùng mặt bằng để so sánh phí dịch vụ giữa các nhà thầu trên thị trường; trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định/yêu cầu đích danh nhà thầu hoặc quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

b) Các loại hàng hóa, dịch vụ do cơ quan nhà nước quy định giá, mức phí hoặc các loại hàng hóa, dịch vụ có tính chất độc quyền như dịch vụ cung cấp điện, nước hoặc dịch vụ khác chỉ có một nhà thầu độc quyền tại Việt Nam với giá bán thống nhất trên cả nước.

c) Dịch vụ bưu chính, điện thoại, internet, đường truyền số liệu, dịch vụ tin nhắn mà việc lựa chọn nhà thầu dựa trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật hoặc nhu cầu sử dụng thực tế.

d) Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, dịch vụ ăn uống phục vụ hoạt động của Tập đoàn.

đ) Dịch vụ đào tạo trong trường hợp chỉ có một nhà thầu đáp ứng yêu cầu, điều kiện của chương trình.

e) Dịch vụ cung cấp vé máy bay, dịch vụ khách sạn, dịch vụ taxi công nghệ.

f) Văn phòng phẩm.

g) Dịch vụ in ấn, dịch vụ thuê cây xanh, dịch vụ bưu chính.

h) Dịch vụ truyền thông, đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, báo chí, truyền hình mà nhà thầu là cơ quan Đài phát thanh, Đài truyền hình, Tòa soạn báo, công ty truyền thông, đơn vị thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cung cấp dịch vụ đặc thù, chuyên biệt.

i) Các loại hàng hóa, dịch vụ do Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu trên 50% vốn điều lệ, Công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu trên 30% vốn điều lệ cung cấp với cam kết chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu, Tập đoàn Bảo Việt ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ giữa các Đơn vị trong Tập đoàn.

j) Dịch vụ thuê đất, nhà công trình, văn phòng làm việc.

k) Hàng hóa, dịch vụ với giá bán thống nhất trong phạm vi cả nước.

l) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng hoặc để ngăn ngừa các nguy cơ làm gián đoạn hoạt động quản lý kinh doanh của Tập đoàn.

m) Gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 300 triệu đồng.

Điều 11. Lấy báo giá cạnh tranh

1. Lấy báo giá cạnh tranh là hình thức Tập đoàn lấy báo giá của tối thiểu 03 nhà thầu khác nhau để làm căn cứ xác định giá gói thầu và lựa chọn nhà thầu đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu của gói thầu với mức giá, phí cạnh tranh nhất.

2. Các trường hợp và điều kiện áp dụng hình thức lấy báo giá cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu:

a) Dịch vụ tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng;

b) Dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản có giá trị không quá 03 tỷ đồng;

c) Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt có giá trị không quá 01 tỷ đồng;

d) Mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng có giá trị không quá 02 tỷ đồng.

Mục 2: Các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy trình đấu thầu

Điều 12. Phương thức lựa chọn nhà thầu

Tập đoàn Bảo Việt lựa chọn nhà thầu thông qua các phương thức sau:

1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ: là phương thức nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính cùng một túi hồ sơ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với các gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp; Chào hàng cạnh tranh đối với các gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp; Chỉ định thầu đối với các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp; Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

2. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ: là phương thức nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính thành hai túi riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.

Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Điều 13. Chỉ định thầu

Chỉ định thầu để lựa chọn nhà thầu được áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành, bảo trì của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác;

2. Dịch vụ, mua sắm hàng hóa gắn liền với bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, các gói dịch vụ có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm;

3. Gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn có giá trị không quá 01 tỷ đồng;

4. Gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt có giá trị không quá 02 tỷ đồng.

5. Gói thầu có duy nhất một nhà thầu, nhà sản xuất cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên thị trường;

6. Gói thầu cần thực hiện để ngăn chặn, khắc phục ngay hoặc để cứu trợ, hỗ trợ, xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

7. Gói thầu cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề;

8. Gói thầu cần thực hiện ngay theo yêu cầu của pháp luật.

Điều 14. Chào hàng cạnh tranh

1. Các trường hợp và điều kiện áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu:

- a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;
- b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa tương đương nhau về chất lượng;
- c) Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

2. Hạn mức áp dụng chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu quy định tại Khoản 1 Điều này như sau:

- a) Chào hàng cạnh tranh áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều này có giá trị không quá 10 tỷ đồng;
- b) Chào hàng cạnh tranh áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này có giá trị không quá 05 tỷ đồng.

Điều 15. Đấu thầu hạn chế và đấu thầu rộng rãi

1. Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chỉ có một số nhà thầu đáp ứng được yêu cầu của gói thầu được mời tham dự thầu. Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong các trường hợp gói thầu có yêu cầu đặc thù về kỹ thuật mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng được yêu cầu của gói thầu.

2. Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự. Đấu thầu rộng rãi được áp dụng cho tất cả các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này trừ các trường hợp quy định tại Điều 10, Điều 11 của Quy chế này.

3. Lập Danh sách ngắn để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa.


Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, có thể áp dụng thủ tục lựa chọn Danh sách ngắn phù hợp với quy định của pháp luật nhằm lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để mời tham gia đấu thầu. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn Danh sách ngắn do Cấp có thẩm quyền quyết định và phải được ghi rõ trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 16. Mua sắm trực tiếp

Mua sắm trực tiếp áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn tương tự thuộc cùng một dự toán mua sắm hoặc thuộc dự toán mua sắm khác đáp ứng các điều kiện sau:

1. Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó hoặc nhà thầu đã trúng thầu thông qua chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu liên tục trong 03 năm liên tiếp; và:

2. Gói thầu có nội dung, tính chất tương tự và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó; và:

3. Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó đồng thời phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng; và: 

4. Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

CHƯƠNG III.

TRÌNH, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 17. Kế hoạch mua sắm hàng năm

1. Xây dựng kế hoạch mua sắm: trên cơ sở nhu cầu mua sắm và cân đối kế hoạch doanh thu – chi phí của đơn vị mình, các Khối, Chi nhánh, Trung tâm, Văn phòng, Ban chức năng trực thuộc Tập đoàn lập Kế hoạch mua sắm gửi về Ban Tài chính Kế toán - Khối Quản lý Hoạt động, theo hướng dẫn tại các quy định có liên quan để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm lập Kế hoạch mua sắm:

a) Trung tâm Công nghệ thông tin - Khối Đầu tư Phát triển là đầu mối phối hợp với Ban Tài chính Kế toán và Văn phòng - Khối Quản lý Hoạt động để xây dựng Kế hoạch mua sắm và chi phí công nghệ thông tin hàng năm của Trung tâm Công nghệ thông tin.

b) Văn phòng - Khối Quản lý Hoạt động là đầu mối phối hợp với Ban Tài chính Kế toán để xây dựng Kế hoạch mua sắm hàng năm đối với tài sản, công cụ, dụng cụ, hàng hóa khác (không bao gồm tài sản nội thất văn phòng liền tường của các trụ sở, văn phòng làm việc của Tập đoàn do Ban Đầu tư - Khối Đầu tư Phát triển đầu mối thực hiện).

c) Trung tâm Đào tạo – Khối Quản lý Hoạt động là đầu mối phối hợp với Ban Tài chính Kế toán - và Ban Tổ chức Nhân sự - Khối Quản lý Hoạt động xây dựng Kế hoạch đào tạo hàng năm;

d) Ban Đầu tư - Khối Đầu tư Phát triển là đầu mối phối hợp với Ban Tài chính Kế toán - Khối Quản lý Hoạt động để xây dựng Kế hoạch mua sắm, cải tạo sửa chữa tài sản nội thất văn phòng liền tường, công trình trụ sở, văn phòng làm việc, văn phòng đi thuê của Tập đoàn.

đ) Văn phòng - Khối Quản lý Hoạt động là đầu mối phối hợp với Ban Tài chính Kế toán - Khối Quản lý Hoạt động để xây dựng Kế hoạch đầu tư, mua sắm, dịch vụ hàng năm đối với công tác truyền thông, thương hiệu và các công tác khác của Tập đoàn theo chức năng nhiệm vụ của Ban/Khối.

e) Các Đơn vị mua sắm khác có trách nhiệm phối hợp với Ban Tài chính Kế toán và Văn phòng trong công tác lập Kế hoạch mua sắm liên quan đến hoạt động của đơn vị mình;

Điều 18. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ Dự toán. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ Dự toán thì lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu thuộc Dự toán để thực hiện trước. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ được lập đối với một trong các hình thức sau: chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, mua sắm trực tiếp.

2. Việc phân chia Dự toán thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự, tiến độ, tình hình thực hiện và đảm bảo tính đồng bộ trong việc đầu tư, mua sắm, quy mô gói thầu hợp lý, đảm bảo khả năng bảo hành và các dịch vụ sau bán hàng của nhà thầu. Việc phân chia gói thầu phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án: các hàng hóa có chung tính chất kỹ thuật, công nghệ sản xuất, nguyên vật liệu, biện pháp thi công, lắp đặt... giống hoặc tương tự nhau phải được đưa vào một gói thầu.

b) Đảm bảo tiến độ, trình tự, tình hình thực hiện công việc: việc phân chia các gói thầu phải phù hợp với tiến độ, trình tự thực hiện và thực tế triển khai công việc.

c) Đảm bảo quy mô gói thầu hợp lý, phù hợp với điều kiện, năng lực của nhà thầu và phù hợp với thực tiễn thị trường trong nước.

3. Nghiêm cấm việc chia Dự toán thành các gói thầu trái với quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện mua sắm theo hình thức chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia làm ảnh hưởng đến hiệu quả mua sắm của Tập đoàn.

4. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu.

5. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.

6. Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ Dự toán.

Điều 19. Nội dung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho từng gói thầu

1. Nhu cầu đầu tư, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, xây lắp để đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn;

2. Chủ trương, nguồn vốn, dự toán để đầu tư, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, xây lắp được Cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Tên gói thầu:

Tên gói thầu thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu, phù hợp với nội dung nêu trong Dự toán. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

4. Giá gói thầu:

Giá gói thầu được xác định trên cơ sở Dự toán được Cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Khi lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:

a) Tối thiểu 03 báo giá hàng hóa, dịch vụ cần mua của đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ để làm căn cứ xác định giá gói thầu; trường hợp có ít hơn 03 báo giá thì đơn vị mua sắm có trách nhiệm giải trình;

b) Kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản, doanh nghiệp thẩm định giá đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của Luật giá;

c) Giá thị trường tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tham khảo từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp theo quy định của pháp luật Việt Nam công bố được khai thác qua mạng Internet;

d) Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa, dịch vụ tương tự trong thời gian tối đa 12 tháng trước ngày trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm hoặc giá thị trường của hàng hóa hay dịch vụ cần mua sắm để xây dựng giá gói thầu. Giá thị trường tại thời điểm mua

sắm có thể được xác định thông qua tham vấn thị trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp trong thời gian 12 tháng trước ngày trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà không có kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự thì có thể xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự của các năm trước đó, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm, giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm. Khi trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Đơn vị mua sắm đính kèm danh sách kết quả lựa chọn các hàng hóa, dịch vụ tương tự trước đó.

đ) Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại khoản 11 Điều này, giá gói thầu không bao gồm giá trị của tùy chọn mua thêm.

Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu.

5. Nguồn vốn: Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ loại nguồn vốn của Tập đoàn.

6. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Quy chế này hoặc theo quy định của Luật Đấu thầu đối với các gói thầu mà Chủ đầu tư quyết định áp dụng để lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần thiết Hội đồng Quản trị có thể quyết định phê duyệt việc áp dụng hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu khác với các quy định tại Quy chế này.

7. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu phải được phê duyệt cùng với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Tùy quy mô, tính chất gói thầu, thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu có thể quy định khác nhau nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành sau 02 ngày đối với gói thầu quy mô nhỏ, 03 ngày đối với gói thầu quy mô lớn kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu, mời chào hàng, gửi thư mời thầu và trước thời điểm đóng thầu.

b) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 20 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa 10 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu; Thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất tối đa là 10 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ yêu cầu đến ngày có thời điểm đóng thầu.

c) Trường hợp cần sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu Chủ đầu tư phải thông báo cho các nhà thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 03 ngày để nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

d) Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 45 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 25 ngày kể từ ngày mở thầu đến khi bên mời thầu có tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo báo cáo về kết quả lựa chọn nhà thầu (không kể thời gian làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) kể từ ngày Tổ giúp việc Chủ đầu tư gửi Công văn tới Nhà thầu/các Nhà thầu tham dự hoặc mời nhà thầu có khả năng trúng thầu tới làm rõ HSDT đến ngày hết hạn thời gian làm rõ HSDT/ngày các bên ký biên bản làm rõ HSDT); Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất đối với quy mô lớn tối đa là 40 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 09 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến khi Tổ giúp việc Chủ đầu tư có tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo báo cáo về kết quả lựa chọn nhà thầu (không kể thời gian làm rõ hồ sơ đề xuất (nếu có) kể từ ngày Tổ giúp việc Chủ đầu tư gửi Công văn tới nhà thầu/các nhà thầu tham dự

hoặc mời nhà thầu (đối với hình thức chỉ định thầu và mua sắm trực tiếp)/ nhà thầu có khả năng trúng thầu tới làm rõ HSDX đến ngày hết hạn thời gian làm rõ HSDX;

đ) Thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 10 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định cho từng nội dung thẩm định.

e) Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định; Thời gian phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 05 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 03 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của Tổ chuyên gia và Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của Tổ thẩm định; Thời gian phê duyệt hoặc có ý kiến về kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 10 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 03 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ chuyên gia và báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định.

f) Thời gian gửi Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu tham dự theo đường bưu điện, fax đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 05 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 02 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

i) Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đối với gói thầu quy mô lớn tối đa là 180 ngày, gói thầu quy mô nhỏ tối đa là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

k) Trong trường hợp đấu thầu quốc tế thì thời hạn tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu.

l, Thời gian khác theo quy định của Luật Đấu thầu.

Trường hợp có sai khác so với các mốc thời gian quy định tại Điều này, Đơn vị mua sắm chủ động đề xuất Cấp có thẩm quyền xử lý các tình huống cụ thể.

8. Loại hợp đồng:

Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải xác định rõ loại hợp đồng theo quy định tại Điều 24 Quy chế này để làm căn cứ lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; ký kết hợp đồng.

10. Thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có).

11. Tùy chọn mua thêm (nếu có):

a) Tùy chọn mua thêm là khả năng Chủ đầu tư mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng;

b) Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm;

c) Tùy chọn mua thêm được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi; khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối

lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng; chỉ áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng.

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU; XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU

Điều 20. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp

1. Phương pháp giá thấp nhất:

a) Phương pháp này áp dụng đối với các gói thầu mà các đề xuất về kỹ thuật, tài chính, thương mại được coi là cùng một mặt bằng khi đáp ứng các yêu cầu ghi trong hồ sơ mời thầu;

b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất.

2. Phương pháp giá đánh giá:

a) Giá đánh giá là giá dự thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng với các yếu tố để quy đổi trên cùng một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, dịch vụ phi tư vấn. Giá đánh giá dùng để xếp hạng hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế hoặc chào hàng cạnh tranh;

b) Phương pháp này áp dụng đối với gói thầu mà các chi phí quy đổi được trên cùng một mặt bằng về các yếu tố kỹ thuật, tài chính, thương mại cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, dịch vụ phi tư vấn;

c) Một hoặc các yếu tố được quy đổi trên cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá bao gồm: chi phí cần thiết để vận hành, bảo dưỡng và các chi phí khác liên quan đến lãi vay, tiến độ, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình xây dựng thuộc gói thầu; công suất, hiệu suất; kết quả thống kê, đánh giá việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó, bao gồm cả việc xem xét xuất xứ; đấu thầu bền vững và các yếu tố khác;

d) Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

a) Phương pháp này áp dụng đối với gói thầu đấu thầu hạn chế có yêu cầu đặc thù về kỹ thuật mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu; gói thầu đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật.

b) Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

4. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, sử dụng phương pháp chấm điểm

hoặc tiêu chí đạt, không đạt. Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá quy định tại khoản 3 Điều này sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Khi sử dụng phương pháp chấm điểm, phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật.

Điều 21. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

1. Phương pháp giá thấp nhất được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có quy trình thực hiện rõ ràng theo các tiêu chuẩn có sẵn. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;

2. Phương pháp giá cố định được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, phạm vi công việc được xác định chính xác, chi phí thực hiện gói thầu được xác định cụ thể và cố định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá gói thầu và có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất;

3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá được áp dụng đối với gói thầu tư vấn chú trọng tới cả chất lượng và chi phí thực hiện gói thầu. Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Khi xây dựng điểm tổng hợp phải bảo đảm nguyên tắc tỷ trọng điểm về kỹ thuật từ 70% đến 80%, điểm về giá từ 20% đến 30% tổng số điểm của thang điểm tổng hợp, tỷ trọng điểm về kỹ thuật cộng với tỷ trọng điểm về giá bằng 100%. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất;

4. Phương pháp dựa trên kỹ thuật được áp dụng đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.

Điều 22. Xét duyệt trúng thầu đối với lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn


1. Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ;
- Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;

d) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

2. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do nhà thầu không trúng thầu.

Điều 23. Xét duyệt trúng thầu đối với lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp

1. Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, gói thầu xây lắp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 

- a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ;
 - b) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
 - c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
 - d) Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
 - đ) Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;
 - e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Đối với gói thầu xây lắp, trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu thấp bất thường so với giá gói thầu, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu giải trình, làm rõ tính khả thi, hợp lý của giá dự thầu đã chào để làm cơ sở đánh giá đáp ứng hoặc loại bỏ hồ sơ dự thầu theo quy định của Chính phủ.
2. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do nhà thầu không trúng thầu.

CHƯƠNG V

HỢP ĐỒNG

Điều 24. Hợp đồng

1. Loại Hợp đồng:

1.1. Hợp đồng trọn gói:

- Hợp đồng trọn gói được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được; gói thầu chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia hợp đồng xác định được khả năng quản lý rủi ro, quản lý thay đổi phát sinh hoặc xác định được các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra.

- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng, có thay đổi trong chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuế và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi; Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

- Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu phải bao gồm cả chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm của nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu.

1.2. Hợp đồng theo đơn giá cố định:

a) Hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu bản chất công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định

được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc, đơn giá cố định theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh được xác định theo quy định của pháp luật;

b) Hợp đồng theo đơn giá cố định là hợp đồng có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc thực tế được nghiệm thu theo quy định trên cơ sở đơn giá cố định trong hợp đồng.

1.3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

a) Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng đối với gói thầu có thời gian thực hiện dài và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện gói thầu nếu áp dụng đơn giá cố định. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh là hợp đồng có đơn giá, giá hợp đồng có thể được điều chỉnh căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc cần thiết với đơn giá cơ sở theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh, chi phí dự phòng trượt giá. Nội dung hợp đồng phải quy định phương pháp tính trượt giá và chi phí dự phòng trượt giá theo quy định của pháp luật;

b) Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc thực tế được nghiệm thu và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá đã được điều chỉnh (nếu có).

1.4. Hợp đồng theo thời gian:

Hợp đồng theo thời gian là hợp đồng có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó xác định được phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ. Giá hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo từng tháng, tuần, ngày, giờ nêu trong hợp đồng và các khoản chi phí phát sinh hợp lý có thể bồi hoàn.

1.5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí:

Hợp đồng theo chi phí cộng phí được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận, phương pháp tính theo chi phí trực tiếp; phương pháp xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

1.6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra:

Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Hợp đồng phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

1.7. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm:

Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

1.8. Hợp đồng hỗn hợp:

Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng quy định tại các khoản 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6 và 1.7 Điều này. Hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.

1.9. Hợp đồng nguyên tắc

Hợp đồng nguyên tắc có thể được áp dụng ký với các nhà cung cấp được lựa chọn thông qua hình thức Ký hợp đồng trực tiếp.

Hợp đồng nguyên tắc được sử dụng trong trường hợp Ký hợp đồng trực tiếp cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: (i) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo Điều 10 của Quy chế này; (ii) Tập đoàn Bảo Việt phải xác định được hạn mức tối đa của hợp đồng; và (iii) Các bên không bị ràng buộc trách nhiệm phải thực hiện đầy đủ phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; (iv) Thời hạn hợp đồng nguyên tắc không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nguyên tắc.

2. Nội dung quy định, các điều khoản trong hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

3. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả các thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.

4. Một gói thầu có thể được thực hiện theo một hoặc nhiều hợp đồng; trong một gói thầu có thể áp dụng một hoặc nhiều loại hợp đồng.

5. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cho phép Đơn vị mua sắm đề xuất Tổ giúp việc Chủ đầu tư/Chủ đầu tư xem xét trình Cấp có thẩm quyền, quyết định và ký bổ sung hợp đồng nếu có phát sinh khối lượng công việc đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phát sinh hàng hóa, dịch vụ, hạng mục công việc cùng chủng loại, đã có đơn giá trong hợp đồng.

b) Tổng giá trị phát sinh và giá trị các hợp đồng đã ký không làm thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu theo Quy chế này.

c) Việc mua thêm đã được dự liệu tại Hợp đồng và/hoặc quy định tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 25. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

1. Nhà thầu được lựa chọn ký kết Hợp đồng phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực, trừ lĩnh vực đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn có thời gian triển khai ngắn như dịch vụ khám sức khỏe, dịch vụ thuê tổ chức hội nghị. Tùy theo tính chất và thời gian triển khai gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa thông dụng đơn giản, có giá trị gói thầu dưới 01 tỷ đồng, đơn vị mua sắm có thể không yêu cầu nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng.

3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày hoàn tất nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời

gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm/không được giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng mà chưa nộp phạt vi phạm và chưa bồi thường do vi phạm hợp đồng (nếu có). Nhà thầu phải thanh toán bổ sung nếu số tiền bảo đảm không đủ để thanh toán cho phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 26. Bảo hành

1. Hợp đồng có nội dung về mua sắm hàng hoá, gói thầu sửa chữa, cải tạo thì phải quy định về bảo hành. Thời hạn bảo hành, mức tiền nhà thầu nộp cho Tập đoàn để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành/mức tiền bảo lãnh bảo hành từ 3% đến 5% tổng giá trị hợp đồng và nội dung khác về bảo hành được quy định trong hợp đồng phải căn cứ theo quy định của pháp luật.

2. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành đối với công trình trong trường hợp hợp đồng xây dựng, sửa chữa, cải tạo. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành hàng hóa trong trường hợp hợp đồng mua sắm hàng hóa theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Nội dung công việc bảo hành, thời hạn bảo hành, chi phí liên quan và trách nhiệm của các bên (giữa Tập đoàn Bảo Việt và nhà thầu) phải được thể hiện trong hợp đồng.

Điều 27. Giám sát thực hiện, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

1. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm giám sát nhà thầu thực hiện hợp đồng.

2. Việc nghiệm thu từng phần hay toàn bộ hợp đồng phải được tiến hành phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết; Nghiệm thu hợp đồng mua sắm hàng hóa phải nghiệm thu đầy đủ về số lượng, quy cách, chất lượng hàng hóa và các nội dung khác theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

3. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện xong trong thời hạn 45 ngày kể từ khi Tập đoàn Bảo Việt và nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng; trường hợp gói thầu phức tạp thì được phép kéo dài thời hạn thanh lý hợp đồng nhưng không quá 90 ngày. Riêng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa: việc thanh lý được thực hiện sau khi nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng trừ các nghĩa vụ bảo hành và/hoặc hỗ trợ kỹ thuật.

Cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát thực hiện hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng phải bảo đảm công tâm, trung thực, khách quan, có đủ năng lực, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn Bảo Việt về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

CHƯƠNG VI

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Tập đoàn

1. Ban hành và sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

2. Quyết định Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn trong đó bao gồm kế hoạch đầu tư, mua sắm hàng năm của Tập đoàn.

3. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương dự án, dự toán mua sắm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thực hiện quyền và trách nhiệm của Cấp có thẩm quyền đối với trường hợp việc đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị và/hoặc các dự án, dự toán mua sắm được Đại hội đồng cổ đông giao, ủy quyền theo quy định tại các Quy chế, quy định nội bộ của Tập đoàn.

5. Phê duyệt hoặc giao cho Tổng Giám đốc phê duyệt, quyết định dự án, dự toán mua sắm và các công việc liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu của dự án, dự toán mua sắm thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này, các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Trình Hội đồng Quản trị xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong hoạt động lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt.

2. Thực hiện quyền và trách nhiệm của Cấp có thẩm quyền đối với trường hợp việc đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc hoặc được Hội đồng Quản trị ủy quyền theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của Tập đoàn.

3. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho người khác phê duyệt, quyết định dự án, dự toán mua sắm và các công việc liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu của dự án, dự toán mua sắm thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

4. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt Quy chế này và các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

5. Phê duyệt các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu bao gồm:

- a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- b) Danh sách ngắn;
- c) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- d) Danh sách xếp hạng nhà thầu;
- e) Kết quả lựa chọn nhà thầu.


6. Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu.

7. Ban hành các quy trình liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn.

8. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này, các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Quyền và trách nhiệm của Cấp có thẩm quyền

1. Phê duyệt dự án, dự toán mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định nội bộ của Tập đoàn.

2. Quyết định thành lập Tổ giúp việc Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định (nếu có) với nhân sự đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. 

3. Quyết định xử lý tình huống.
4. Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
5. Bảo mật các tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
6. Lưu trữ các thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định nội bộ của Tập đoàn.
7. Xử lý vi phạm về đấu thầu theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
8. Đình chỉ, hủy thầu theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.
9. Tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng.
10. Yêu cầu Tổ giúp việc Chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm về đấu thầu và công việc quy định tại Quy chế này;
11. Giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.
12. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này, các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ Đơn vị mua sắm

1. Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đề xuất thành phần nhân sự Tổ thẩm định, Tổ giúp việc Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia và cử nhân sự tham gia Tổ giúp việc Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.
2. Đề xuất lựa chọn một tổ chức tư vấn hoặc một tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp để thay Tập đoàn làm Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia nếu xét thấy cần thiết.
3. Đưa ra yêu cầu và chịu trách nhiệm đối với yêu cầu đặt ra cho gói thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các trường hợp được phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ đầu tư và theo quy định tại Quy chế này. Chịu trách nhiệm đối với các đề xuất lựa chọn nhà thầu theo hình thức ký hợp đồng trực tiếp, lấy báo giá cạnh tranh, chỉ định thầu.
4. Chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật (nếu có) với nhà thầu được lựa chọn; tổ chức triển khai thực hiện hợp đồng đã ký kết với nhà thầu.
5. Đề xuất lên Tổ giúp việc Chủ đầu tư/Chủ đầu tư về việc ký bổ sung hợp đồng nếu có phát sinh về khối lượng công việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 24 Quy chế này.
6. Trình Chủ đầu tư các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng với nhà thầu.
7. Chịu trách nhiệm với Tập đoàn Bảo Việt về quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định Quy chế này.
8. Bảo mật các tài liệu về đấu thầu.
9. Làm đầu mối cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu và Khối Quản lý Hoạt động, Ban Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn;
10. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo Quy chế này, các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Tổ giúp việc Chủ đầu tư

1. Giúp việc cho Chủ đầu tư trong việc tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc như tiếp nhận, rà soát hồ sơ của Đơn vị mua sắm, Tổ chuyên gia trước khi trình lên Chủ đầu tư.

2. Trả lời làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

3. Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

4. Tổ chức thương thảo Hợp đồng; Phối hợp với Đơn vị mua sắm để hoàn thiện Hợp đồng trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; cùng với Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng; Trình Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền xem xét và ký kết hợp đồng.

5. Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong trường hợp Đơn vị mua sắm lựa chọn áp dụng Luật Đấu thầu; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

6. Ký các thông báo mời thầu, biên bản mở thầu, công văn trả lời làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, công văn yêu cầu nhà thầu làm rõ Hồ sơ dự thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, công văn chấp thuận và trao hợp đồng.

7. Bảo mật các thông tin, tài liệu về đấu thầu.

8. Chịu trách nhiệm với Tập đoàn nếu vi phạm các nghĩa vụ nêu tại Quy chế này dẫn đến gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

9. Đề xuất với Chủ đầu tư về việc giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

10. Tham gia ý kiến đối với đề xuất về xử lý tình huống trong đấu thầu của Tổ chuyên gia.

Thành viên Tổ giúp việc Chủ đầu tư được Tổ trưởng phân công nhiệm vụ dựa trên năng lực, kinh nghiệm và chuyên môn của từng thành viên. Tổ trưởng có trách nhiệm ký tên trên thông báo mời thầu, biên bản mở thầu, công văn trả lời làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, công văn yêu cầu nhà thầu làm rõ Hồ sơ dự thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, công văn chấp thuận và trao hợp đồng; Các thành viên Tổ giúp việc Chủ đầu tư được bảo lưu ý kiến theo chuyên môn, nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.


Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chuyên gia

1. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo đúng yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

2. Trình phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu và sửa đổi Hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Đề xuất làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo yêu cầu của nhà thầu; đề xuất nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ để gửi Tổ giúp việc Chủ đầu tư;

4. Bảo mật các thông tin, tài liệu về đấu thầu. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và báo cáo kết quả đánh giá.

5. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của Cấp có thẩm quyền, Chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu. 

6. Đề xuất với Chủ đầu tư phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có).

7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các thành viên tham gia Tổ chuyên gia được Tổ trưởng Tổ chuyên gia phân công nhiệm vụ bằng văn bản dựa trên năng lực, kinh nghiệm và chuyên môn của từng thành viên. Thành viên Tổ chuyên gia ký tên trên Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các thành viên Tổ chuyên gia được bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ Tổ thẩm định

1. Hoạt động độc lập, tuân theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan khi tiến hành thẩm định.

2. Kiểm tra, xem xét sự phù hợp của kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn danh sách gắn với quy định của Quy chế lựa chọn nhà thầu và có ý kiến thẩm định độc lập trình Chủ đầu tư.

3. Yêu cầu Đơn vị mua sắm, Tổ giúp việc Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan và giải đáp các nội dung cần thiết phục vụ cho công tác thẩm định.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm của Tổ thẩm định theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

5. Bảo mật các thông tin, tài liệu về đấu thầu. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, người có thẩm quyền, chủ đầu tư về kết quả thẩm định và các công việc được giao.

7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Tổ thẩm định được Tổ trưởng Tổ thẩm định phân công nhiệm vụ bằng văn bản dựa trên năng lực, kinh nghiệm và chuyên môn của từng thành viên. Thành viên Tổ thẩm định ký tên trên Báo cáo thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định được bảo lưu ý kiến chuyên môn và chịu trách nhiệm về báo cáo thẩm định của mình.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

1. Yêu cầu Chủ đầu tư làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

2. Thực hiện các cam kết theo hợp đồng đã ký và cam kết với nhà thầu phụ (nếu có).

3. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong quá trình tham dự thầu.

4. Tuân thủ các quy định của Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt.

5. Bảo đảm trung thực, chính xác trong quá trình tham dự thầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

6. Nhà thầu không được thực hiện các hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật đấu thầu.

7. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của các Khối, Chi nhánh, Trung tâm, Văn phòng, Ban chức năng thuộc Tập đoàn

Các Khối, Chi nhánh, Trung tâm, Văn phòng, Ban chức năng thuộc Tập đoàn tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Tập đoàn trong công tác lựa chọn nhà thầu và quản lý, giám sát công tác lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt.

Điều 37. Trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán hoạt động đấu thầu tại Tập đoàn theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của HĐQT.

2. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của Tập đoàn.

3. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc đơn vị.

CHƯƠNG VII.

GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Điều 38. Mục đích giám sát hoạt động đấu thầu

Giúp kịp thời phát hiện các tồn tại trong quá trình lựa chọn nhà thầu để đưa ra các khuyến nghị phù hợp.

Điều 39. Nội dung giám sát hoạt động đấu thầu

Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện bao gồm:

1. Việc tuân thủ quy định về đấu thầu trong lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt các nội dung trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

2. Việc đáp ứng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt; công khai thông tin trong đấu thầu;

3. Năng lực của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định;

4. Việc tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan về tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (trong trường hợp Đơn vị mua sắm áp dụng Luật Đấu thầu);

5. Quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của Tổ chuyên gia;

6. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;


7. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu của Chủ đầu tư;

8. Việc đáp ứng về tiến độ, chất lượng của nhà thầu theo hợp đồng đã ký;

9. Các nội dung cần thiết khác để đảm bảo lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

Điều 40. Báo cáo trong hoạt động đấu thầu

1. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện báo cáo Bộ Tài chính về nội dung giám sát thường xuyên đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu vào tháng đầu tiên của Quý tiếp theo Quý định kỳ phải báo cáo.

2. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện báo cáo năm và báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu vào tháng đầu tiên của năm tiếp theo năm phải báo cáo. 

3. Khối Quản lý Hoạt động là đầu mối tổng hợp báo cáo trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi gửi báo cáo lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các Khối/Chi nhánh/Văn phòng/Trung tâm/Ban chức năng thuộc Tập đoàn Bảo Việt có trách nhiệm cung cấp cho Khối Quản lý Hoạt động thông tin liên quan đến nội dung báo cáo và chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của thông tin cung cấp.

CHƯƠNG VIII.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KIẾN NGHỊ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Giải quyết tranh chấp, kiến nghị

Việc giải quyết tranh chấp, kiến nghị liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau giữa các bên và theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Các nhà thầu có hành vi vi phạm các quy định về đấu thầu được quy định tại Quy chế này sẽ bị Tập đoàn xem xét đưa vào Danh sách cấm tham gia đấu thầu các gói thầu của Tập đoàn Bảo Việt.

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan vi phạm các quy định của Quy chế này sẽ bị Tập đoàn xử lý theo quy định của Tập đoàn hoặc/và xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Quy định về tổ chức thực hiện

1. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì được thực hiện theo Điều lệ, các quy định của Tập đoàn.

2. Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt là Cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thay thế Quy chế này theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn.

3. Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt giao Tổng Giám đốc Tập đoàn ban hành các Quy trình hướng dẫn cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt.

4. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn và mua sắm thường xuyên của Tập đoàn Bảo Việt được ban hành kèm theo Quyết định số 447/2021/QĐ-HĐQT ngày 13/04/2021 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thừa Nhật